

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ ĐÔNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ ĐÔNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG AN INVESTMENT AND CONSTRUCTION DESIGN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109754220

**3. Ngày thành lập:** 24/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 48 ngách 13 ngõ 260 Tân Mai, Tổ 41, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903691688

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 2.  | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                         | 1610        |
| 3.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                      | 1621        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                               | 1629        |
| 5.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                | 1622        |
| 6.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                          | 2396        |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                           | 2592        |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                          | 3100        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                           | 4212        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                               | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                    | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                        | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299        |
| 15. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                            | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                 | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br>Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất,<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...<br>- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:<br>+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,<br>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,<br>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,<br>+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...<br>- Lắp gương, kính,<br>- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền... | 4330 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:<br>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,<br>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),<br>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,<br>+ Uôn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,<br>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,<br>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp                                                                                                                                                                                | 4390 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; ....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4759 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.<br>-Khảo sát xây dựng<br>- Lập quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Giám sát thi công xây dựng<br>- Kiểm định xây dựng<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;<br>-Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy | 7110 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 28. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8130 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 980.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRƯƠNG<br>TRỌNG CÔNG | Số 135 đường<br>Vườn Chay, Khu<br>phố 2, Thị trấn<br>Yên Ninh, Huyện<br>Yên Khánh, Tỉnh<br>Ninh Bình, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 441.000       | 4.410.000.000            | 45,000       | 164084683                                                                                                              |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Tổng số                            | 441.000       | 4.410.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ NGỌC THỂ          | 1120 CT3B - X2<br>B.L.Đ mở rộng,<br>Phường Thịnh<br>Liệt, Quận Hoàng<br>Mai, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 98.000        | 980.000.000              | 10,000       | 0370880036<br>51                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   | Tổng số                            | 98.000        | 980.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                               |                           |         |               |        |           |
|---|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN THỊ NGỌC OANH | Số 147 đường Herman, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 441.000 | 4.410.000.000 | 45,000 | 186224503 |
|   |                      |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                      |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                      |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                      |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                      |                                                                               | Tổng số                   | 441.000 | 4.410.000.000 | 45,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ NGỌC THẾ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037088003651

Ngày cấp: 16/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 1120 CT3B - X2 B.L.Đ mở rộng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1120 CT3B - X2 B.L.Đ mở rộng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội